

Bản án số: 107/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06/9/2022

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Chấn;

- Ông Nguyễn Xuân Chung.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thanh Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2022 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022, giữa:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị Th, sinh năm 1988 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1982 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn là chị Trần Thị Th trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Ph kết hôn ngày 11/5/2015 trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện Y. Sau khi cưới, chị và anh Ph về ở với nhau ngay và ở tại xã B, huyện Lục Nam. Hai người sống hạnh phúc một thời gian dài và đã có hai con chung:

- Nguyễn Trần Danh T, sinh ngày 16/11/2015;

- Nguyễn Trần Danh T1, sinh ngày 19/11/2017.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là: Những năm gần đây chị và anh Ph bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, thường xuyên cãi nhau, vay nợ nhiều nơi, anh Ph thường xuyên chửi mắng chị, đánh chị; tháng 5-2022 vợ chồng lại xảy ra cãi nhau và anh Ph tiếp tục đánh chị, chị đã đi thuê nhà và sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh Ph có hai con chung như trình bày ở trên, nếu ly hôn, chị xin nuôi Nguyễn Trần Danh T1, sinh ngày 19/11/2017; để anh Ph nuôi con Nguyễn Trần Danh T, sinh ngày 16/11/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hiện tại chị đang kinh doanh giải khát, thu nhập đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung: Để chị và anh Ph tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn Ph trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như chị Th trình bày là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do: Đầu năm 2022 anh vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, chị Th ở nhà có quan hệ với người đàn ông khác, anh thấy chị Th gọi điện và nhắn tin cho người đàn ông đó rất nhiều. Khi anh phát hiện ra việc này, hai vợ chồng cãi nhau thường xuyên, tháng 5/2022 vợ chồng lại cãi nhau và chị Th thuê ở khu Công nghiệp Việt Yên ở, không rõ địa chỉ cụ thể chỗ nào và không về nhà nữa. Anh và chị Th sống ly thân từ đây, không còn quan hệ vợ chồng nữa. Chị Th làm đơn ly hôn, anh xác định không còn tình cảm với chị Th nữa và đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị Th có hai con chung như chị Th trình bày là đúng. Trường hợp phải ly hôn, anh xin nuôi cả hai con, anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại anh lái xe Taxi, thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con. Anh đảm bảo cuộc sống cho các con đầy đủ.

- Về tài sản: Để anh và chị Th thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được, anh sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

*Tại phiên tòa, chị Th không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án; các đương sự trình bày như sau:

- Nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày: Chị và anh Ph sống ly thân đã lâu, không còn quan hệ vợ chồng nữa, đến nay chị và anh Ph không còn tình cảm, đề nghị Tòa án cho được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Ph có hai con chung là: Nguyễn Trần Danh T, sinh ngày 16/11/2015 và Nguyễn Trần Danh T1, sinh ngày 19/11/2017. Ly hôn, chị xin nuôi con Nguyễn Trần Danh T1, để anh Ph nuôi con Nguyễn Trần Danh T; chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Để chị và anh Ph tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Ph trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh đồng ý ly hôn chị Th.

Anh và chị Th có hai con chung như chị Th trình bày là đúng. Anh xin nuôi cả hai con, anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại anh lái xe Taxi, thu nhập khoảng 20-25 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con. Anh đảm bảo cuộc sống cho các con đầy đủ.

Về tài sản: Để anh và chị Th tự thỏa thuận giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều: 51, 55, 81, 82, 83, của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều: 147, 271, và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn Ph.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Th trực tiếp nuôi con Nguyễn Trần Danh T1, sinh ngày 19/11/2017; giao cho anh Nguyễn Văn Ph trực tiếp nuôi con Nguyễn Trần Danh T, sinh ngày 16/11/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các bên không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản: Các bên không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Th đã nộp tạm ứng án phí.

Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi Th luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị Th có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Ph nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Nguyễn Văn Ph là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn Ph kết hôn ngày 11/5/2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Vương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Th và anh Ph đã sống hạnh phúc một thời gian và có hai con chung là:

- Nguyễn Trần Danh T, sinh ngày 16/11/2015;
- Nguyễn Trần Danh T1, sinh ngày 19/11/2017.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là trong cuộc sống chị Th và anh Ph có nhiều điểm không hợp nhau, những năm gần đây, hai vợ chồng cãi nhau thường xuyên; chị Th cho rằng anh Ph thường xuyên chửi mắng và đánh chị, còn anh Ph cho rằng chị Th có quan hệ với người đàn ông khác. Đến tháng 5/2022 thì mâu thuẫn vợ chồng lại xảy ra và hai người chính thức sống ly thân. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã hòa giải để các bên về đoàn tụ, nhưng chị Th xin từ chối đoàn tụ, còn anh Ph đồng ý ly hôn; hiện tại chị Th và anh Ph đang sống ly thân. Tại phiên tòa, chị Th tiếp tục yêu cầu xin được ly hôn, anh Ph cũng đồng ý ly hôn. Như vậy chị Th và anh Ph đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo

dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh Ph.

[2.3] Về con chung: Chị Th và anh Ph có hai con chung là: Nguyễn Trần Danh T, sinh ngày 16/11/2015 và Nguyễn Trần Danh T1, sinh ngày 19/11/2017. Chị Th xin nuôi con T1, còn anh Ph xin nuôi cả hai con.

Xét thấy: Nguyên vọng được trực tiếp nuôi con chung của chị Th và anh Ph đều là chính đáng. Tuy nhiên để đảm bảo quyền nuôi con của cả nguyên đơn và bị đơn, nên cần giao cho mỗi người nuôi một con là phù hợp; cụ thể: Giao cho chị Th trực tiếp nuôi con Nguyễn Trần Danh T1, sinh ngày 19/11/2017; giao cho anh Ph trực tiếp nuôi con Nguyễn Trần Danh T, sinh ngày 16/11/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các bên không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn các bên có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Th và anh Ph thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc cấp dưỡng nuôi con, nếu sau này các đương sự có yêu cầu và theo qui định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Th là nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình 300.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 55, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn Ph.

2. Về con chung: Giao cho chị Th trực tiếp nuôi con Nguyễn Trần Danh T1, sinh ngày 19/11/2017; giao cho anh Ph trực tiếp nuôi con Nguyễn Trần Danh T, sinh ngày 16/11/2015.

Sau khi ly hôn các bên có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Th và anh Ph thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu cả 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013905 ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Th đã nộp đủ tiền án phí

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- UBND Đồng Vương, huyện Yên Thế, tỉnh BG;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh